**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VĨNH THUẬN**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 43/2017/DS-ST
Ngày: 04-10-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Trường Hận.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đào Hoàng Khương.

2. Ông Nguyễn Công Đời.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST-DS ngày 08/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Đào Văn C, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện U, tỉnh G. Có mặt.

*2. Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh G. Vắng mặt lần 02 không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày*: Ngày 26/12/2016 anh H có mua của ông C, bà N 2.500 kg cải, giá 4.200 đồng/kg, với số tiền là 10.500.000 đồng. Sau khi cân cải xong anh H không trả tiền, ông C có nhờ chính quyền địa phương giải quyết nhưng mời anh H không đi dự. Nay ông C, bà N yêu cầu anh H trả số tiền mua cải là 10.500.000 đồng.

** Bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên*

*không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Văn H trả cho ông Đào Văn C, bà Trịnh Thị N số tiền 10.500.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa ông C, bà N và anh H là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản";* bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] *Về nội dung vụ án:* Anh H có hợp đồng mua cải của ông C, bà N với giá 4.200 đồng/kg. Sau khi xem cải xong thì ngày 26/12/2016 anh H cho nhân công vào chở 2.500 kg cải, tính thành tiền là 10.500.000 đồng. Nhưng sau đó anh H không trả tiền cho ông C, bà N nên xảy ra tranh chấp.

Theo biên bản xác minh ngày 10/8/2017, chính quyền địa phương cho biết: Ban lãnh đạo ấp A, xã T có nhận đơn của ông C về việc yêu cầu anh H trả tiền mua cải là 10.500.000 đồng, Ban lãnh đạo ấp có mời anh H để hòa giải nhưng anh H không đến dự và cho rằng không trả tiền là do ông C giao cải không đúng với cải mà anh H đã coi trước khi mua nên khi mang cải về bán bị lỗ.

Nguyên đơn cung cấp tờ xác nhận của chị Nguyễn Bích T, anh Trần Tuấn A, bà Thị H, Bà Thị L là những người làm thuê nhổ cải cho ông C bán cho anh H; tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2017 đối với bà Thị L và bà Thị H đều xác định tháng 12/2016 có nhổ cải thuê cho ông C để bán cho ông H, số lượng 2,5 tấn, giá 4.200 đồng/kg.

[3] *Xét thấy:* Anh H đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, biết rõ yêu cầu của ông C, bà N, nhưng anh H không có ý kiến phản đối; Tòa án đã tống đạt hợp lệ

cho anh H các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến để được xem xét, không dự phiên hòa giải, không dự phiên tòa là tự đánh mất quyền trình bày ý kiến, quyền phản tố, quyền được hòa giải, quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tờ xác nhận do ông C cung cấp và biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai đối với bà Thị H, Thị L làm chứng cứ theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án; anh H không có ý kiến phản đối với những tình tiết, sự kiện mà ông C, bà N đưa ra nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết, sự kiện có thật, không cần phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định anh H có hợp đồng mua cải của ông C, bà N và có nhận của ông C, bà N 2.500 kg cải, giá 4.200 đồng/kg, tính thành tiền là 10.500.000 đồng.

Nếu như ông C, bà N giao cải không đúng chất lượng, anh H phải báo ngay cho ông C, bà N biết và có quyền yêu cầu đổi lại cải khác theo quy định tại Điều 444 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 (Bảo đảm chất lượng vật mua bán).

Vụ án không còn tranh chấp gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 428, 438 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11, buộc anh Lê Văn H trả cho ông Đào Văn C và bà Trịnh Thị N số tiền 10.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông C, bà N cho đến khi thi hành xong số tiền, hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

[4] *Án phí sơ thẩm*: Anh H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 10.500.000 đ x 5% = 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 428, 438, 444 của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn C và bà Trịnh Thị N đối với anh Lê Văn H. Buộc anh Lê Văn H trả cho ông Đào Văn C, bà Trịnh Thị N số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông C, bà N cho đến khi thi hành xong số tiền, hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.

**2.** Án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn H chịu 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ông Đào Văn C, bà Trịnh Thị N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004283 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Trường Hận**